TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2022/HS-ST
Ngày 12/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trần Minh Nhựt**

2/ Bà **Nguyễn Hải Anh**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Anh Vũ** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 72/2021/HS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2021, về tội "Trộm cắp tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

01/ **Danh Cao N** (Hoài T); sinh năm 1993 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Không; Con ông Danh T, sinh năm 1974 và bà Cao Ngọc H, sinh năm 1976; Tiền sự: Không.

Tiền án có 02 tiền án:

- Vào năm 2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo bản án hình sự sơ thẩm số: 64/2013/HS-ST ngày 04/9/2013.

- Vào năm 2016 bị cáo bị bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 04 năm tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo bản án hình sự sơ thẩm số: 240/2016/HS-ST ngày 29/9/2016.

Ngoài ra, ngày 10/5/2021 bị cáo bị Công an Thành phố Rạch Giá bắt tạm giam về tội "Cướp giật tài sản", hiện hồ sơ vụ án đã chuyển sang Tòa án thành phố Rạch Giá, đến nay chưa xét xử.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2021, (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

02/ **Trần Hữu D** (D); sinh năm 1985 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Số 40/17 đường Q, khu phố 1, phường S, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn H, sinh năm 1962 và bà Phạm Thu N, sinh năm 1964; Vợ tên Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1984 (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2009; Tiền sự: Không.

Tiền án có 01 tiền án: Vào năm 2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 năm tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tại bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2015/HS-ST ngày 27/5/2015.

Ngoài ra, vào ngày 29/10/2021 bị cáo còn bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 (một) năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2021/HS-ST ngày 29/10/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2021, (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Chị **Phan Dạ T**, sinh năm 1994 (Có mặt)

Trú tại: ấp H, xã B, huyện T, Kiên Giang.

Người làm chứng:

01/ Anh **Quách Tùng H**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Trú tại: Số 117/13/68 T, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

02/ Ông **Phạm Tuấn K**, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Trú tại: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Danh Cao N và Trần Hữu D là bạn bè quen biết ngoài xã hội, đều là người từng đã có tiền án về tội tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy. Khoảng 08 giờ ngày 02/4/2021, Danh Cao N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68V6-5481 rủ D đi tìm tài sản để lấy trộm thì D đồng ý. (Xe mô tô trên thuộc sở hữu của mẹ N là bà Cao Ngọc H). D điều khiển xe mô tô chở N trên các tuyến đường trong thành phố G tìm tài sản có sơ hở để trộm cắp nhưng không được. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, D chở N đến đoạn Quốc lộ 80 gần đầu lộ Giục Tượng thuộc ấp H, xã B, huyện T thì phát hiện chị Phan Dạ T đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại VISION, biển kiểm soát 68C1-583.69. Trên hộc đựng đồ phía trước của xe có để một điện thoại di động nên điều khiển xe mô tô bám theo phía sau. Quan sát thấy chị T dừng xe đậu cặp lề đường ở trước quán cà phê "Ngọc B", tại đầu lộ Giục Tượng, ấp H, xã B, huyện T để mua bánh mì, điện thoại vẫn để trong hộc phía trước trên xe mô tô không có người trông coi. Khi chị T đi vào trong gặp ông Nguyễn Tuấn K để hỏi mua bánh mì thì D điều khiển xe đến và dừng lại cặp bên xe mô tô của chị T, N ngồi phía sau xe bước xuống lấy điện thoại di động

nhãn hiệu Iphone XS Max màu trắng, dung lượng 512GB của chị T rồi bước lên xe để D điều khiển chở đi. Lúc này, chị T phát hiện bị lấy trộm điện thoại nên tri hô lên và trình báo cho công an xã B, huyện T. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại, cả hai đem đến cửa hàng điện thoại di động "Gia H" của ông Quách Tùng H tại số 110 đường T, khu phố T, phường Q, thành phố G bán cho ông H được 5.300.000 đồng chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Trong quá trình xác minh tố giác tội phạm, Danh Cao N tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố G và bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Rạch Giá. Đối với Trần Hữu D bị truy nã về tội Trộm cắp tài sản trong vụ án xảy ra ngày 12/01/2021, trên địa bàn xã P, huyện T đến ngày 01/7/2021 bị can đầu thú và bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra. Sau khi triệu tập làm việc, tại Cơ quan điều tra, Danh Cao N, Trần Hữu D đã thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 20/KL-HĐTĐGTS, ngày 22/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang kết luận: "01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại XS MAX, màu trắng, dung lượng 512GB có giá tại thời điểm tháng 4/2021 là 13.333.000 đồng.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Hữu D có một tiền án về tội mua bán trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích. Vì vậy, trong lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Đồ vật, tài liệu thu giữ, tạm giữ, hướng xử lý vật chứng gồm:

- Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu trắng, dung lượng 512GB sau khi ông Quách Tùng Huy mua được đã bán cho một người nam lạ mặt không rõ lai lịch trên sàn giao dịch thương mại điện tử Chợ Tốt với giá 9.500.000 đồng *(chín triệu năm trăm nghìn đồng)* nên không thu hồi được.

- 01 (một) thẻ nhớ, dung lượng 2GB màu đen, được niêm phong trong phong bì màu trắng, phía trên có in dòng chữ "CÔNG AN TỈNH KIÊN GIANG, CÔNG AN HUYỆN CHÂU THÀNH", được đóng dấu tròn đỏ của Công an xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Có chữ ký xác nhận của Điều tra viên Danh Thị Mỹ A, người chứng kiến Nguyễn Thiên K, Nguyễn Trọng T (đã lưu trữ trong hồ sơ vụ án).

- 01 (một) xe mô tô hiện AGASI, màu đỏ-đen, số máy: VNVTBAD006896, số khung: RL6KA126D9D006896, biển kiểm soát 68V6-5481, đã qua sử dụng. Thuộc sở hữu của ông Cao Phước H là cha ruột của bà Cao Ngọc H, ông H đã cho

bà H để sử dụng nhưng bà H chưa tiến hành sang tên. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trao trả lại cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Phan Dạ T yêu cầu các bị cáo Danh Cao N và Trần Hữu D phải liên đới bồi thường thiệt hại cho chị với số tiền 13.333.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 6.666.500 đồng. Các bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Đối với hành vi của anh Quách Tùng H đã mua điện thoại di động Iphone XS Max màu trắng, dung lượng 512GB của các bị cáo. Tuy nhiên, anh H không biết được điện thoại là do phạm tội mà có nên hành vi của anh H không cấu thành tội phạm.

Tại bản cáo trạng số: 79/CT-VKS-CT ngày 14/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Danh Cao N về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Trần Hữu D về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Danh Cao N và Trần Hữu D phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Danh Cao N** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Hữu D** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt **01 (một) năm** tù, về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2021/HS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, xử buộc các bị cáo Danh Cao N và Trần Hữu D phải liên đới bồi thường thiệt hại lại cho chị Phan Dạ T với số tiền 13.333.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 6.666.500 đồng.

Các bị cáo và bị hại không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Danh Cao N là đối tượng đã nhiều lần có tiền án chưa được xóa án tích. Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên N rủ Trần Hữu D đi tìm tài sản trộm cắp thì D đồng ý. Đến khoảng 16 giờ, ngày 02/4/2021 D điều khiển xe chở N đi ngang qua quán cà phê "Ngọc B" trú tại ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện chiếc điện di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu trắng của chị Phan Dạ T đang để trên hộc để đồ phía trước xe môtô nhãn hiệu Honda, loại VISION, biển kiểm soát 68C1-583.69 đậu tại cặp lề đường không người trông coi nên cả hai đã lén lút lấy trộm. Theo kết quả định giá tài sản thì chiếc điện thoại mà N và D lấy trộm có giá trị tại thời điểm phạm tội là 13.333.000 đồng.

Đối chiếu theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự thì:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm: .....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: ...; *g) Tái phạm nguy hiểm*"...."

Như vậy, đối chiếc với các quy định trên thì hành vi lấy trộm điện thoại của hai bị cáo N và D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, do N đã có nhiều tiền án vẫn chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới nên đối chiếu với quy định nêu trên thì hành vi phạm tội của bị cáo N đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như đã viện dẫn.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đều trưởng thành nên có đủ nhận thức biết rỏ việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là hành vi mà pháp luật không cho phép. Thế nhưng với bản chất tham lam, chay lười lao động nên khi phát hiện chị T để điện thoại trên học xe mô

tô rồi đậu xe cặp bên đường để đi vào quán mua đồ ăn, các bị cáo liền lén lút lấy trộm điện thoại chị T đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Trong vụ án này cho thấy, các bị cáo phạm tội khi có cùng 02 người trở lên và cố ý thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm nhưng do các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, giữa các bị cáo không có sự phân công cụ thể mà khi chỉ rủ nhau đi trộm cắp tài sản nên đây chỉ là đồng phạm giản đơn, không phải là phạm tội có tổ chức.

Hành vi phạm tội của các bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. HĐXX nghị án thảo luận nhận thấy cần có mức án nghiêm để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho các đối tượng khác.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo D thì qua hồ sơ thể hiện vào năm 2015 bị cáo đã 01 lần bị Tòa án nhân dân Tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 năm tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" vẫn chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục có hành vi phạm tội mới nên trong lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng thêm 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo N là người dân tộc thiểu số nên việc am hiểu pháp luật phần nào còn hạn chế nên cần xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX nghị án sẽ xem xét hình phạt khi lượng hình đối với từng bị cáo để có mức án phù hợp nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo chở thành một công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại chị Phan Dạ T yêu cầu hai bị cáo N và D bồi thường lại giá trị điện thoại mà hai bị cáo đã chiếm đoạt của chị T theo như kết quả định giá là 13.333.000 đồng, ngoài ra chị T không yêu cầu gì thêm, các bị cáo đồng ý trả lại số tiền trên theo yêu cầu của chị T nên HĐXX ghi nhận.

[8] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô hiện AGASI, màu đỏ-đen, số máy: VNVTBAD006896, số khung: RL6KA126D9D006896, biển kiểm soát 68V6-5481, đã qua sử dụng. Thuộc sở hữu của ông Cao Phước H là cha

ruột của bà Cao Ngọc H, ông H đã cho bà H để sử dụng nhưng bà H chưa tiến hành sang tên. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trao trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Danh Cao Nphạm tội "Trộm cắp tài sản".

01/ Xử phạt bị cáo **Danh Cao N 02 (hai) năm** tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 10/5/2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

02/ Xử phạt bị cáo **Trần Hữu D 01** (một) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt **01 (một) năm** tù, về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2021/HS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Buộc bị cáo **Trần Hữu D** phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **02 (Hai)** năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 01/7/2021.

Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, xử buộc các bị cáo Danh Cao N và Trần Hữu D phải liên đới bồi thường thiệt hại lại cho chị Phan Dạ T với số tiền 13.333.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 6.666.500 đồng.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Buộc các bị cáo Danh Cao N và Trần Hữu D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự và (6.666.500 đồng x5%) = 333.325 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo và người bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong